

BÁO CÁO

Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán Ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2023

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2023 cho các huyện, thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 146/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của HĐND thành phố Phan Rang-Tháp Chàm về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu-chi ngân sách địa phương năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 100/2016/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh Ninh Thuận ban hành định mức phân bổ và định mức chi các khoản chi thường xuyên thuộc ngân sách tỉnh, huyện, thành phố và xã, phường thị trấn;

Thực hiện Công văn số 1047b/UBND-TH ngày 03/7/2017 của UBND thành phố Phan Rang-Tháp Chàm về việc ủy quyền công khai tài chính;

Trên cơ sở tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2023, phòng Tài chính-Kế hoạch thành phố thực hiện công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2023 như sau:

1. Tình hình thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2023:

Tổng thu ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm 2023: 637.690 triệu đồng, sau khi trừ thu chuyển nguồn năm 2023 (188.643 triệu đồng), thu ngân sách thành phố so với dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao đạt 70,43% (449.047 triệu đồng/637.529 triệu đồng).

Tổng thu ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2022 trên địa bàn là: 270.119 triệu đồng, so với dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao đạt 72,09% (270.119 triệu đồng/355.300 triệu đồng).

2. Tình hình thực hiện chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2023:

Chi cân đối ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2023: 415.651 triệu đồng, đạt 65,23% dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao (415.651 triệu đồng/637.237 triệu đồng).

triệu đồng), trong đó chi đầu tư thực hiện 131.975 triệu đồng so với dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao đạt 239,95% (131.975 triệu đồng/55.000 triệu đồng), chi thường xuyên thực hiện 267.170 triệu đồng, đạt 49,71% dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao (267.170 triệu đồng/537.426 triệu đồng).

3. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ Ngân sách tỉnh bổ sung cho NS thành phố là: 16.507 triệu đồng.

(Chi tiết theo các biểu mẫu số 93, 94, 95/CK-NSNN đính kèm).^{ty}

Nơi nhận :

- UBND TP (b/c);
- Sở Tài chính NT;
- Đăng trên cổng thông tin điện tử TP;
- Lưu: TCKH.

TRƯỞNG PHÒNG



Vũ Thị Minh Ánh

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3 = 2/1	4
A	TỔNG SỐ THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	355.300	270.119	76,03%	183,45%
I	Thu cân đối NSNN	355.300	268.538	75,58%	182,39%
1	Thu nội địa	355.300	268.538	75,58%	182,39%
2	Thu viện trợ		0		
II	Thu các khoản huy động đóng góp		1.581		13177,84%
B	THU NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	637.529	637.690	100,03%	137,91%
I	Thu ngân sách Thành phố hưởng theo phân cấp	276.200	238.932	86,51%	169,07%
1	Các khoản thu ngân sách Thành phố hưởng 100%	276.200	238.932	86,51%	169,07%
2	Các khoản thu phân chia ngân sách thành phố hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)				
II	Thu bổ sung từ ngân sách Tỉnh	361.329	210.116	58,15%	108,73%
1	Bổ sung cân đối	328.316	164.160	50,00%	132,32%
2	Bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương	0	0		
3	Bổ sung có mục tiêu	33.013	45.956	139,21%	66,42%
III	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	0	0		
IV	Thu chuyển nguồn	0	188.643		160,26%
V	Thu kết dư	0	0		
VI	Thu quản lý qua ngân sách	0	0		0,00%
C	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	637.237	415.651	65,23%	122,20%
I	Chi đầu tư phát triển	55.000	131.975	239,95%	182,72%
II	Chi thường xuyên	537.426	267.170	49,71%	112,38%
III	Dự phòng ngân sách	11.798	0		
IV	Chi từ nguồn thu để lại qua ngân sách	0	0		
V	Chi các chương trình mục tiêu	33.013	16.507	50,00%	54,72%

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng	So sánh ước thực hiện	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3 = 2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	355.300	268.538	76%	119%
I	Thu nội địa	355.300	268.538	76%	119%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	5.000	660	13%	63%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	82.400	43.875	53%	91%
4	Thuế thu nhập cá nhân	30.000	14.570	49%	49%
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	65.000	31.125	48%	75%
7	Thu phí, lệ phí	11.000	8.233	75%	141%
8	Các khoản thu về nhà, đất	144.900	150.358	104%	155%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.700	2.024	55%	70%
-	Thu tiền sử dụng đất	120.000	139.179	116%	256%
	+ Ngân sách tỉnh	65.000	19.986	31%	
	+ Ngân sách huyện, thành phố	55.000	119.192	217%	
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	21.200	9.155	43%	23%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	14.700	13.932	95%	706%
11	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản				
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác (Các khoản thu tại xã)	2.300	4.203	183%	8240%
II	Thu viện trợ				
III	Các khoản huy động, đóng góp		1.581		7188%
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	637.529	398.758	63%	173%
1	Các khoản thu được để lại chi quản lý qua ngân sách				
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp Tỉnh	361.329	210.116	58%	127%
	Thu bổ sung cân đối	328.316	164.160	50%	17244%
	Bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương				
	Thu bổ sung có mục tiêu	33.013	45.956	139%	4827%
3	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên				
4	Thu chuyển nguồn		188.643		294%
5	Thu kết dư				
6	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	276.200	238.932	87%	106%

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3 = 2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	637.529	415.651	65%	118%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	604.516	399.145	66%	114%
I	Chi đầu tư phát triển	55.000	131.975	240%	311%
1	Chi đầu tư cho các dự án	55.000	131.975	240%	311%
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	537.426	267.170	50%	87%
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	258.969	119.380	46%	102%
2	Chi an ninh quốc phòng	15.495	6.425	41%	63%
3	Chi y tế, dân số và gia đình	585	9.779		361%
4	Chi văn hoá thông tin, thể dục thể thao và truyền thanh	5.192	1.517	29%	63%
5	Chi bảo vệ môi trường	45.000	43.184	96%	124%
6	Chi hoạt động kinh tế	62.180	43.034	69%	127%
7	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	83.018	14.779	18%	34%
8	Chi khác ngân sách	2.494	1.707	68%	178%
9	Chi bảo đảm xã hội	59.616	27.365	46%	44%
10	Giữ nguồn 10% tiết kiệm và nguồn cải cách tiền lương	4.878			
III	Dự phòng ngân sách	12.090		0%	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	33.013	16.507	50%	1734%
1	Chương trình mục tiêu quốc gia		0		0%
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	33.013	16.507	50%	1734%
C	Chi từ nguồn thu để lại quản lý qua ngân sách				
D	Chi nộp ngân sách cấp trên				